

NHÂN NGÀY MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI (5 - 6)

MỘT SỐ NGUYÊN TẮC PHƯƠNG PHÁP LUẬN CĂN BẢN CỦA VIỆC GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA HIỆN ĐẠI HOÁ XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI

LUƠNG ĐÌNH HẢI (*)

Giải quyết mối quan hệ giữa hiện đại hoá xã hội và môi trường sinh thái hiện là một yêu cầu bức xúc trong quá trình phát triển của mọi quốc gia trên thế giới. Trong bài viết này, tác giả đã luận chứng một số nguyên tắc phương pháp luận căn bản để giải quyết hiệu quả mối quan hệ giữa hiện đại hoá xã hội và môi trường sinh thái. Các nguyên tắc đó là: thứ nhất, nguyên tắc thay đổi nhận thức; thứ hai, nguyên tắc lợi ích; thứ ba, nguyên tắc tăng trưởng kinh tế gắn liền với cải thiện và bảo vệ môi trường sinh thái; thứ tư, nguyên tắc công nghệ tiên tiến.

T hực tiễn cho thấy, quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá xã hội luôn đặt ra hàng loạt vấn đề môi trường sinh thái nan giải. Mặc dầu các quốc gia và cộng đồng quốc tế đã nỗ lực thực hiện nhiều biện pháp tích cực, nhưng vẫn chưa thể giải quyết triệt để các vấn đề môi trường sinh thái đó. Dường như chúng xuất hiện ngày càng nhiều hơn, nan giải hơn, tính chất cấp bách và sự tác động của chúng đến đời sống cộng đồng nhân loại cũng dường như ngày càng mạnh hơn. Năng lực của con người trong việc giải quyết các vấn đề môi trường sinh thái trong tiến trình hiện đại hoá xã hội dường như ngày một nhỏ bé hơn so với quy mô, tính chất và tác động của chúng.

Tình trạng đó, theo chúng tôi, do nhiều loại nguyên nhân khác nhau mang lại, mà một trong những nguyên nhân quan trọng hàng đầu là nguyên nhân nhận thức. Thực tế là, cho đến nay, trên thế giới vẫn chưa có được một sự thay đổi căn bản trong ý thức của cộng đồng nhân loại về những vấn đề

môi trường sinh thái, chưa có được một ý thức sinh thái thường trực trong mỗi thành viên cộng đồng. Nhưng, để có được sự thay đổi đó, trước hết phải dựa trên cơ sở truyền thông sâu rộng và nhận thức đầy đủ những vấn đề về môi trường sinh thái. Bởi vậy, nguyên tắc trước tiên, cần thiết cho việc giải quyết mối quan hệ giữa hiện đại hoá xã hội và môi trường sinh thái toàn cầu hiện nay là *thay đổi nhận thức*.

Trong lịch sử, những thế hệ trước đây đã không nhận thức hết vai trò, ý nghĩa của môi trường sinh thái trong quá trình phát triển kinh tế, hiện đại hoá xã hội. Do vậy, ngay từ đầu, họ đã không có các biện pháp cần thiết để có thể bảo vệ môi trường sống một cách có hiệu quả. Đó là nguyên nhân sâu xa của tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái nặng nề hiện nay, làm trầm trọng thêm mâu thuẫn giữa hiện đại hóa xã hội và môi trường sinh thái. Chừng nào con người chưa có được những thay đổi

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ khoa học, Phó viện trưởng Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

căn bản trong nhận thức về mối quan hệ giữa hiện đại hoá xã hội và môi trường sinh thái thì chưa thể nói đến khả năng xử lý dứt điểm những vấn đề về môi trường sinh thái. Thay đổi về nhận thức nói ở đây trước hết phải là sự thay đổi trong nếp nghĩ, trong tư duy của mỗi thành viên và của toàn thể cộng đồng xã hội, đặc biệt là của người dân. Để có được sự thay đổi đó, việc nghiên cứu, quảng bá và phổ cập giáo dục những kiến thức về mối quan hệ giữa môi trường sinh thái và hiện đại hoá xã hội phải được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục, nhất quán và sâu rộng, đến mọi tầng lớp dân cư, mọi thành phần xã hội, ở mọi vùng, miền của mỗi quốc gia trên phạm vi toàn cầu.

Việc nhận thức đầy đủ và sâu rộng những vấn đề về mối quan hệ giữa môi trường sinh thái và hiện đại hoá xã hội của mọi thành viên trong xã hội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc ngăn ngừa và giải quyết những vấn đề môi trường sinh thái. Những kiến thức, sự hiểu biết của các nhà khoa học về môi trường sinh thái, các chủ trương, chính sách bảo vệ môi trường... chỉ có tác dụng khi chúng được phổ biến, truyền thông và thấm sâu vào các thành viên trong xã hội. Nếu các thành viên của cộng đồng đều có ý thức đầy đủ, đúng đắn về mối quan hệ giữa môi trường sinh thái và hiện đại hoá xã hội, tự giác tham gia giải quyết chúng thì đó là một đảm bảo hàng đầu, một điều kiện hết sức cơ bản và tiên quyết cho việc giải quyết có hiệu quả các vấn đề về quan hệ giữa môi trường sinh thái và hiện đại hoá xã hội.

Nguyên tắc nhận thức đòi hỏi phải có sự thay đổi một cách căn bản trong ý thức của cộng đồng về mối quan hệ giữa môi trường sinh thái và hiện đại hoá xã hội. Sự thiếu

hiểu biết về mối quan hệ này trong quá khứ đã để lại nhiều hậu quả tiêu cực cho môi trường sinh thái và do vậy, đã gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển kinh tế, hiện đại hoá xã hội và đến chính con người. Mục tiêu của nguyên tắc nhận thức là tạo ra ý thức sinh thái thường trực cho cả cộng đồng trong quá trình hiện đại hoá xã hội. Khi những cơ sở vật chất đã được đảm bảo thì một ý thức thường trực về sinh thái sẽ giúp cho cộng đồng có khả năng xử lý tốt hơn những vấn đề về quan hệ con người - xã hội - tự nhiên trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Nội dung mở rộng của nguyên tắc nhận thức là đổi mới tư duy về sinh thái, hay nói cách khác, cần phải có *tư duy mới*. Kể từ những năm 70 của thế kỷ XX, những tiếng nói cảnh tỉnh nhân loại về nguy cơ thảm họa môi trường sinh thái đã bắt đầu vang lên dồn dập và gay gắt. Loài người đã nhận thấy rằng, vấn đề chính yếu không phải là tốc độ phát triển xã hội mà là bản thân sự tồn tại của xã hội và loài người đang bị đe dọa bởi những vấn đề môi trường sinh thái gay gắt. Nhiều phương án giải quyết mối quan hệ giữa hiện đại hóa xã hội và môi trường sinh thái với tính cách những mô hình lý luận - phương pháp luận chung đã được nêu ra; chẳng hạn, như "giới hạn sự tăng trưởng", "phát triển kinh tế có giới hạn", "trở về với tự nhiên", v.v..

Điểm chung của các nhà lý luận trên thế giới là đều thống nhất khẳng định rằng, những chuẩn mực, những nguyên tắc, những định hướng, những giá trị, mô hình quan hệ của con người với môi trường sinh thái trong tiến trình hiện đại hóa vừa qua đã tỏ ra không còn phù hợp. Vấn đề không phải là chúng đã cạn kiệt khả năng vận dụng, mà chính là ở chỗ, nếu tiếp tục sử

dụng chúng thì nguy cơ thảm họa sinh thái sẽ càng gần hơn đối với nhân loại.

Theo chúng tôi, hiện nay, vấn đề chủ yếu và then chốt nhất là phải tạo dựng được một tư duy mới để thay đổi cung cách ứng xử của con người, xã hội đối với môi trường sinh thái trong quá trình phát triển kinh tế, hiện đại hóa xã hội. Nếu chưa có tư duy mới thì cũng chưa thể có các mô hình lý luận - phương pháp luận mới, do vậy, cũng chưa thể có các nguyên tắc, chuẩn mực, định hướng, các giá trị và cách ứng xử mới của con người với môi trường sinh thái trong quá trình hiện đại hóa xã hội tiếp theo.

Tư duy mới được hình thành trên cơ sở thực tiễn của đời sống xã hội và dựa trên những tiền đề xác định. Những tiền đề đó đã và đang xuất hiện trên quy mô toàn cầu, được thể hiện trên những phương diện và ở những quy mô khác nhau. Hội nghị của Liên hợp quốc về Môi trường và Phát triển vào năm 1992 ở Riô đơ Gianhây rô, Brazil, với sự tham gia của 179 nước và 70 tổ chức quốc tế. Hàng loạt các tổ chức quốc tế về môi trường đang hoạt động như Chương trình môi trường của Liên hợp quốc với gần 150 thành viên, Ủy ban liên chính phủ về thay đổi khí hậu, Liên minh bảo vệ tài nguyên và thiên nhiên, Cơ quan môi trường toàn cầu, Tổ chức hòa bình xanh, Quỹ quốc tế về bảo vệ thiên nhiên, v.v.. Sự ra đời và hoạt động của các tổ chức như vậy cho thấy tính chất cấp bách của vấn đề môi trường sinh thái đang tăng lên; đồng thời, các điều kiện, khả năng và tiền đề mới cho việc tạo lập một tư duy mới, một thái độ ứng xử mới với giới tự nhiên của con người và cộng đồng quốc tế cũng đã bắt đầu xuất hiện.

Nội dung của tư duy mới bao gồm nhiều yếu tố khác nhau. Về đại thể, nó không chỉ có các yếu tố hợp lý của các mô hình lý luận - phương pháp luận hiện có, như trí tuệ quyền, phát triển bền vững, đồng tiến hóa,... mà còn tạo nên những cách tiếp cận mới đối với tất cả các vấn đề của đời sống thực tiễn hiện nay và giúp cho việc giải quyết chúng tương thích hơn, phù hợp hơn. Có thể nêu ra một số nội dung cơ bản của tư duy mới như sau:

- Lợi ích chung của cộng đồng nhân loại là yếu tố cốt lõi, then chốt, hàng đầu. Trong điều kiện bị khủng hoảng sinh thái đe dọa như hiện nay, sự tồn tại và tiếp tục phát triển của cộng đồng được xem là nền tảng của tư duy mới. Lợi ích bộ phận của mỗi quốc gia, dân tộc, tập đoàn,... được tính đến như một yếu tố cấu thành, đứng sau hoặc cùng lắm là ngang hàng, chứ không thể đứng trên lợi ích chung toàn nhân loại.

- Trong tổng thể lợi ích chung của toàn nhân loại, lợi ích của thế hệ hiện tại chỉ là một bộ phận cấu thành. Do vậy, không thể vì lợi ích của thế hệ hiện tại mà hy sinh lợi ích của các thế hệ tương lai.

- Tâm bao quát vấn đề của tư duy mới không dừng lại ở phạm vi quốc gia, khu vực, hoặc địa phương mà được mở rộng trên phạm vi toàn cầu và gắn chặt với nhu cầu giải quyết các vấn đề môi trường sinh thái toàn cầu của nhân loại trong quá trình hiện đại hóa xã hội.

- Tư duy mới nhìn nhận con người và xã hội không phải như là chúa tể có quyền năng vô hạn đối với tự nhiên, đứng trên tự nhiên và đối lập với tự nhiên, mà chỉ là một bộ phận của tự nhiên. Trong quá trình hiện đại hóa, ở mỗi thời kỳ xác định, hoạt động của con người cũng như của nền sản xuất xã hội bị những giới hạn nghiêm ngặt

do tự nhiên quy định. Tư duy mới tính đến những quy định đó một cách đầy đủ, toàn diện như là một tất yếu.

- Tiến hoá của loài người là đồng tiến hoá với môi trường sinh thái nên nó chỉ có thể có được khi môi trường sinh thái không bị phá hoại. Sinh thái hoá các vấn đề xã hội và con người, đảm bảo cho môi trường sinh thái luôn được cải thiện trong tiến trình hiện đại hóa tiếp theo là một trong những nội dung then chốt của tư duy mới. Đồng tiến hoá là một trong những nguyên tắc của tư duy mới để giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế, hiện đại hóa xã hội với môi trường sinh thái.

Nguyên tắc cơ bản thứ hai rút ra từ việc xem xét mối quan hệ giữa hiện đại hoá xã hội và môi trường sinh thái là nguyên tắc lợi ích. Nội dung căn bản của nguyên tắc này là biết tính toán và kết hợp một cách hài hoà lợi ích của thế hệ hiện tại và các thế hệ tương lai trong quá trình hiện đại hoá xã hội. Nó đòi hỏi khi giải quyết bất cứ vấn đề nào của đời sống xã hội có liên quan đến môi trường sinh thái đều phải kết hợp hài hoà lợi ích của thế hệ hiện tại với lợi ích của thế hệ tương lai, biết "nhìn xa trông rộng", sống, làm việc "cho hôm nay và cho cả mai sau" cả ở tầm vi mô lẫn tầm vĩ mô. Nếu con người quá chăm lo phát triển kinh tế, hiện đại hoá xã hội hoặc chỉ phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường cho thế hệ hiện tại mà quên đi lợi ích của các thế hệ tương lai, thì lịch sử vẫn tiếp tục lặp lại những bài học thất bại vừa qua trong việc giải quyết mối quan hệ giữa hiện đại hoá và môi trường sinh thái.

Nguyên tắc lợi ích bao hàm cả nội dung kết hợp lợi ích bộ phận với lợi ích toàn thể. Khi giải quyết các vấn đề của đời sống xã hội có liên quan đến môi trường sinh thái

đều phải kết hợp hài hoà lợi ích bộ phận với lợi ích toàn thể. Lợi ích bộ phận và toàn thể ở đây có tính động, tương đối, tùy thuộc vào từng mối quan hệ cụ thể và từng cấp độ xem xét. Khi giải quyết các vấn đề về hiện đại hoá xã hội có liên quan đến môi trường sinh thái không thể hy sinh lợi ích bộ phận, lại càng không thể hy sinh lợi ích toàn thể. Ở đây, yêu cầu là phải "vừa nhìn thấy cây, vừa nhìn thấy rừng".

Về phương diện nhận thức, nói nguyên tắc lợi ích là nguyên tắc căn bản dường như dễ nhận được sự đồng thuận của các chủ thể hoạt động khác nhau trong xã hội. Nhưng, về phương diện thực tiễn, nguyên tắc đó đòi hỏi phải có sự ràng buộc bởi những cơ chế, chế tài chặt chẽ. Sự kiện Mỹ từ chối phê chuẩn Nghị định thư Kyôôô về giảm bớt lượng khí thải công nghiệp là một thí dụ điển hình cho việc đặt lợi ích cục bộ cao hơn lợi ích toàn thể. Trong khi đó, cho đến nay, cộng đồng quốc tế vẫn chưa có cơ chế thực hiện các chế tài bắt buộc. Có thể kể ra rất nhiều thí dụ tương tự về vấn đề này. Mặt khiếm khuyết và cũng là hạn chế lớn nhất hiện nay trong hoạt động của các tổ chức quốc tế về môi trường, của các quốc gia là sự thiếu vắng những cơ chế, chế tài mạnh mẽ để có thể đảm bảo kết hợp hài hoà lợi ích bộ phận và lợi ích toàn thể. Điều đó đang tiếp tục làm cho môi trường sinh thái bị tổn thương, bị xâm hại và đe dọa lợi ích của các thế hệ mai sau và lợi ích toàn thể của cộng đồng. Có thể khẳng định rằng, việc xây dựng và thực thi các cơ chế, chế tài nhằm bảo vệ và cải thiện môi trường hiện là vấn đề có ý nghĩa cấp bách.

Thực tiễn nhiều thập kỷ qua cho thấy, nguyên tắc nhận thức và nguyên tắc lợi ích luôn có quan hệ chặt chẽ với nhau; trong đó, nhận thức cần đi trước một bước. Do

vậy, công tác nghiên cứu, giáo dục, truyền thông về môi trường sinh thái phải đi trước một bước. Nếu khả năng nhận thức các vấn đề môi trường sinh thái chưa đạt đến mức độ thấu hiểu sâu sắc, đúng đắn mối quan hệ giữa các lợi ích hiện tại và lợi ích tương lai, giữa lợi ích bộ phận và toàn thể thì có nghĩa là ý thức sinh thái chưa được hình thành. Song, nếu có ý thức sinh thái mà thiếu chế tài đủ mạnh thì việc giải quyết các vấn đề môi trường sinh thái trong quá trình hiện đại hoá xã hội sẽ hoặc là nửa vời, không hiệu quả, hoặc chỉ là những ý muốn tốt đẹp mà thôi.

Nguyên tắc thứ ba của việc giải quyết các vấn đề về mối quan hệ nói trên là tăng trưởng kinh tế gắn liền với *bảo vệ và cải thiện* môi trường sinh thái. Trước đây, trong quá trình hiện đại hoá xã hội, con người chỉ chú ý đến quản lý sản xuất và xã hội sao cho có hiệu quả để đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội cao, mà không chú ý đến việc quản lý, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái. Trong khái niệm phát triển xã hội đã từng không có nội dung bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái. Thậm chí, đã có lúc nhân loại lầm tưởng rằng, để tăng trưởng kinh tế và hiện đại hoá xã hội tất yếu phải "hy sinh" môi trường sinh thái.

Trong khoảng hai thập kỷ gần đây, khái niệm phát triển bền vững với tính cách là sự phát triển xã hội, trong đó tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái, đã trở thành một nguyên tắc chỉ đạo đường lối phát triển của rất nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có nước ta. Đây là một bước tiến của nhân loại trên cả hai phương diện: nhận thức và hành động thực tiễn. Theo đó, trong quá trình hiện đại hoá xã hội, người ta có thể đảm bảo sự tăng

trưởng kinh tế mà vẫn duy trì được khả năng kiểm soát, khống chế, bảo vệ môi trường sinh thái bằng cách sử dụng các công nghệ tiên tiến, đặc biệt là các công nghệ sạch. Chúng cho phép tăng hiệu suất sản xuất, tiết kiệm tài nguyên, không gây ô nhiễm môi trường; cho phép thay thế các nguồn tài nguyên đang có nguy cơ cạn kiệt bằng việc sử dụng những nguồn tài nguyên khác, sẵn có, không gây tác hại cho môi trường sinh thái. Vì vậy, đầu tư phát triển các loại công nghệ tiên tiến được nhiều quốc gia xem là hướng đầu tư căn bản và có tính chiến lược, do nó mang lại lợi ích không chỉ cho hiện tại mà cho cả tương lai, không chỉ cho một vùng, ngành mà cho toàn bộ nền kinh tế - xã hội, cho cả cộng đồng. Nói cách khác, đó là cơ sở đảm bảo cho quá trình hiện đại hoá xã hội trở nên vững chắc hơn, có hiệu quả hơn.

Bước vào thế kỷ XXI, khái niệm phát triển bền vững với nội dung tăng trưởng kinh tế gắn liền với việc bảo vệ môi trường sinh thái đã tỏ ra không còn đầy đủ, không đáp ứng được những đòi hỏi của thực tế đời sống xã hội của mỗi quốc gia cũng như trên phạm vi toàn cầu. Song song với quá trình toàn cầu hoá về kinh tế và các mặt khác của đời sống xã hội, dường như quá trình toàn cầu hoá về ô nhiễm môi trường cũng bắt đầu thể hiện ngày càng rõ nét. Những hậu quả tai hại do ô nhiễm môi trường đã tác động đến tất cả các khu vực, các quốc gia trên toàn cầu. Ô nhiễm môi trường sinh thái nói riêng và những vấn đề sinh thái nói chung đã trở thành một trong những vấn đề toàn cầu ngày càng trầm trọng và bức xúc. Những vấn đề như ô nhiễm môi trường, thiên tai, khí hậu thay đổi... dường như đang "phanh chặt" tiến trình hiện đại hoá xã hội của nhân loại.

Nhiệm vụ đặt ra hiện nay không chỉ là bảo vệ môi trường sinh thái, ngăn chặn sự gia tăng mức độ nghiêm trọng và sự phát sinh những vấn đề môi trường sinh thái mới, mặc dù việc đó hiện vẫn hết sức cơ bản, thiết yếu và cực kỳ quan trọng; mà còn là *cải thiện* môi trường sinh thái với nghĩa khắc phục những vấn đề môi trường đã nảy sinh trong quá trình hiện đại hoá xã hội trước đây, làm cho môi trường sinh thái sạch hơn, tốt hơn, được quản lý chặt chẽ hơn và hữu ích hơn đối với con người; đồng thời, quan hệ giữa con người và giới tự nhiên trở nên hoà hợp chứ không "thù địch" với nhau như hiện nay. Với tinh thần đó, việc kết hợp bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái hiện là một yêu cầu cấp thiết của sự phát triển xã hội trên quy mô toàn cầu. Giờ đây, khái niệm phát triển bền vững phải bao hàm nội dung rộng hơn: *tăng trưởng kinh tế gắn liền với việc bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái*. Thực tế phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới cho thấy, ở đâu việc cải thiện môi trường sinh thái được thực hiện tốt thì ở đó phát triển bền vững được đảm bảo ở mức cao nhất và tiến trình hiện đại hoá xã hội trở nên "an toàn" hơn.

Trong thế kỷ XX, tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái đã gây nhiều tác hại nghiêm trọng, tạo nên sự khủng hoảng sinh thái toàn cầu, đe dọa sự sống còn của nhân loại. Bước vào thế kỷ XXI, nguyên tắc tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái trở thành nguyên tắc chủ đạo của đời sống kinh tế - xã hội, của quá trình hiện đại hoá xã hội nói chung trên phạm vi toàn cầu. Nguyên tắc này đòi hỏi mọi hoạt động kinh tế - xã hội đều phải tính đến việc bảo vệ, cải thiện môi trường sinh thái và do vậy, nó khiến

cho khái niệm phát triển bền vững mang nội dung mới, đầy đủ và toàn diện hơn.

Nguyên tắc thứ tư là nguyên tắc công nghệ tiên tiến. Trong thời đại cách mạng khoa học - kỹ thuật và công nghệ, việc giải quyết mối quan hệ giữa hiện đại hóa xã hội và những vấn đề môi trường sinh thái không thể không dựa trên những thành tựu của cuộc cách mạng đó. Cách mạng công nghiệp đã tạo ra những lực lượng sản xuất khổng lồ, giúp cho con người mở rộng quy mô khai thác tự nhiên; đồng thời, một trong những mặt trái của nó là phá hoại môi trường sinh thái một cách nghiêm trọng. Công nghiệp càng mở rộng quy mô hoạt động thì môi trường sinh thái càng bị bóc lột và phá hoại nhiều hơn. Cách mạng khoa học - kỹ thuật và công nghệ đánh dấu một giai đoạn mới trong sự phát triển của quan hệ giữa con người, xã hội và tự nhiên.

Bằng việc tạo ra hàng loạt ngành công nghệ mới, có hàm lượng tri thức cao, cách mạng khoa học - kỹ thuật và công nghệ đang cách mạng hoá toàn bộ cơ cấu và trình độ phát triển của các lực lượng sản xuất trên quy mô toàn cầu. Nhờ đó, nhân loại có khả năng xây dựng và duy trì mối quan hệ hòa hợp với môi trường sinh thái mà không phải thu hẹp quy mô sản xuất. Sự xuất hiện và phát triển của một loạt ngành công nghệ mới, như công nghệ vật liệu, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ chế tạo, công nghệ năng lượng mới, công nghệ nanô, công nghệ phôi sinh học...; *một mặt*, đã tiết kiệm và nâng cao hiệu suất sử dụng tài nguyên hơn; *mặt khác*, góp phần giảm tối đa các chất thải gây ô nhiễm môi trường sinh thái. Những loại công nghệ hiện đại trên cùng với các nguồn năng lượng mới, như

năng lượng thủy triều, năng lượng địa nhiệt, năng lượng gió, mặt trời, năng lượng tổng hợp nhiệt hạch đánh dấu một thời đại mới đã bắt đầu - thời đại của nền sản xuất sinh thái.

Yêu cầu của nguyên tắc công nghệ tiên tiến trong việc xử lý quan hệ giữa hiện đại hoá xã hội và môi trường sinh thái là phải luôn có sự định hướng, lựa chọn và sử dụng các công nghệ tiên tiến, sạch, tiết kiệm tài nguyên, phù hợp với môi trường sinh thái. Hiện đại hoá xã hội phải dựa trên các loại công nghệ tiên tiến mới có thể tạo nên và bảo đảm sự phát triển đồng tiến hoá của con người, xã hội và giới tự nhiên.

Đối với các nước đang phát triển như nước ta, nếu không quán triệt nguyên tắc công nghệ tiên tiến thì sẽ mất khả năng đi tắt đón đầu và nguy cơ biến nền công nghiệp quốc gia thành bãi rác của các nước phát triển hơn sẽ trở thành hiện thực. Dĩ nhiên, với những nước đang phát triển, việc lựa chọn và áp dụng các công nghệ tiên tiến sẽ gặp nhiều khó khăn về tài chính, nguồn nhân lực, trình độ chung của nền công nghiệp quốc gia, v.v.. Nhưng, điều đó không làm giảm tính cấp thiết của việc sử dụng rộng rãi các công nghệ tiên tiến nhằm bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

Nguyên tắc công nghệ tiên tiến vừa là nội dung, vừa là sự thể hiện của nguyên tắc tư duy mới. Đồng thời, nó đảm bảo bằng thực tế việc kết hợp tăng trưởng kinh tế với bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái. Không có công nghệ tiên tiến không thể có tăng trưởng, càng không thể bảo vệ và cải thiện được môi trường sinh thái. Khái niệm công nghệ tiên tiến trong thời đại cách mạng khoa học - kỹ thuật và công nghệ không còn bó hẹp trong nội dung năng suất, chất lượng, hiệu quả, mà còn

bao hàm cả nội dung sạch về sinh thái, bảo vệ và cải thiện môi trường.

Những nguyên tắc trên là những nguyên tắc tiên quyết, căn bản và mang ý nghĩa phương pháp luận chung. Khi những nguyên tắc đó trở thành một bộ phận cấu thành của tư duy sinh thái thường trực trong mỗi thành viên cũng như trong toàn cộng đồng thì con người sẽ tìm được những cách thức, biện pháp phù hợp và tối ưu để giải quyết có hiệu quả các vấn đề môi trường sinh thái cụ thể, cũng như các vấn đề kinh tế - xã hội có liên quan trong quá trình hiện đại hoá.

Bên cạnh mặt tích cực về các phương diện kinh tế, xã hội, khoa học, kỹ thuật, sự phát triển sản xuất và trình độ công nghệ..., sự phát triển của tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta cũng chứa đựng một số tác động tiêu cực; trong đó, nổi bật là nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Do vậy, nếu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá mà không tính toán đầy đủ đến những tác động của nó đối với môi trường sinh thái thì hậu quả sẽ ngày càng trở nên trầm trọng; khả năng cải thiện môi trường sinh thái sẽ trở nên khó khăn hơn và cái giá phải trả sẽ lớn hơn. Vì vậy, cùng với việc tận dụng các mặt tích cực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cần phải chú trọng hơn nữa đến việc *bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái*, lồng ghép tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá với việc nâng cao chất lượng cuộc sống của con người. Điều đó cũng có nghĩa là cần phải thường xuyên quán triệt các nguyên tắc cơ bản trên đây nhằm giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa xã hội với môi trường sinh thái trong tiến trình phát triển của đất nước. □